TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2024/HNGĐ-PT
Ngày 27 - 3 - 2024
Về việc tranh chấp ly hôn,
tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Ngọt

Các Thẩm phán: Ông Tôn Văn Thông

Ông Nguyễn Hữu Lương

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thiên Trang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Xa Riêng – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 05/2024/HNGĐ-PT ngày 29 tháng 02 năm 2024 về việc "Tranh chấp ly hôn, tranh chấp nuôi con".

Do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 04/2024/HNGĐ-ST ngày 26 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 980/2024/QĐPT-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Phan Thị Mai D, sinh năm 1985. Địa chỉ: Số F ấp D, xã P, thành phố B, tỉnh Bến Tre; (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Đỗ Hồng P, sinh năm 1985. Địa chỉ: Số F ấp D, xã P, thành phố B, tỉnh Bến Tre; (có mặt).

- *Người kháng cáo*: Nguyên đơn bà Phan Thị Mai D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại cấp sơ thẩm, nguyên đơn bà Phan Thị Mai D trình bày:

Vào năm 2009, bà và ông Đỗ Hồng P được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới, hôn nhân tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, thành

phố B và được cấp giấy chứng nhận ngày13/6/2009. Bà và ông P có 02 con chung là Đỗ Hồng P, sinh ngày 10/01/2013 và Đỗ Ngọc Trà M, sinh ngày 20/8/2015 hiện nay hai con chung đang sống chung với ông Đỗ Hồng P, hai con có sự phát triển tốt về thể chất, tinh thần.

Trong thời gian sống chung vợ chồng có tạo lập được một số tài sản chung là vật dụng sinh hoạt trong gia đình hiện do ông Đỗ Hồng P đang trực tiếp quản lý sử dụng. Bà và ông P không có nợ chung.

Nguyên nhân ly hôn: Do trong thời gian chung sống ông, bà bất đồng quan điểm, vợ chồng ngày càng mất lòng tin và không còn tiếng nói chung; bà và ông P đều nghi ngờ lẫn nhau về việc cả hai đang có quan hệ tình cảm với người khác; ông P có hành vi đánh đập và đe doạ giết bà và hai con chung, có lần ông P đe dọa mua thuốc uống tự tử nên bà có báo Công an xã P đến can thiệp; mâu thuẫn của ông, bà được gia đình hai bên có hàn gắn nhưng không thành, từ tháng 3/2023 cho đến nay bà và ông P không còn sống chung, không còn quan tâm chăm sóc cho nhau. Nhận thấy ông, bà có nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được nên bà có yêu cầu như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Bà yêu cầu được ly hôn với ông Đỗ Hồng P. Bà không yêu cầu giải quyết cấp dưỡng giữa vợ và chồng sau khi ly hôn.

Về con chung: Bà đồng ý giao cho ông P được trực tiếp nuôi hai con chung tên Đỗ Hoàng P1, sinh ngày 10/01/2013 và Đỗ Ngọc Trà M, sinh ngày 20/8/2015. Bà đồng ý cấp dưỡng nuôi hai con chung, mỗi tháng 1.000.000 đồng/01 con chung, cấp dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Nếu ông P1 không đồng ý nuôi hai con thì bà yêu cầu được nuôi cháu Đỗ Ngọc Trà M, sinh ngày 20/8/2015, ông P1 sẽ trực tiếp nuôi cháu Đỗ Hoàng P1, sinh ngày 10/01/2013 cả hai không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa bị đơn ông Đỗ Hồng P *trình bày*: Ông thống nhất theo lời trình bày của bà Phan Thị Mai D về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung.

Nguyên nhân bà Phan Thị Mai D xin ly hôn với ông là do bà D nghi ngờ ông có bạn gái bên ngoài dẫn đến vợ chồng không vui vẻ; tuy nhiên ông cũng phát hiện và nghi nghờ bà D có quan hệ tình cảm với người khác nên hai bên thường xuyên nhắn tin qua lại, do tính ông ít nói chuyện, thường ngày đi làm về thường xuyên biểu hiện mệt mỏi nên từ đó tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt. Ông thừa nhận khi bà D bỏ nhà đi thì ông có dọa với bà D "nếu bà D bỏ đi thì ông cùng các con sẽ tự vẫn" để bà D quay về chứ ông không có làm thật. Vợ chồng không còn sống chung, không còn quan tâm chăm sóc cho nhau từ tháng 3/2023, bà D đã bỏ nhà đi từ ngày 27/8/2023 cho đến nay; trong thời gian bà D không có ở nhà thì ông vẫn chăm sóc và lo cho hai con đầy đủ về mọi mặt để chở bà D quay về. Qua yêu cầu của bà Phan Thị Mai D ông có ý kiến như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Do ông còn thương bà D và các con nên ông không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà D. Do ông không đồng ý ly hôn nên ông không yêu cầu giải quyết về con chung, tài sản chung và nợ chung.

Do hòa giải không thành, Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre đưa vụ án ra xét xử.

Tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 04/2024/HNGĐ-ST ngày 26 tháng 01 năm 2024, Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre quyết định:

Căn cứ vào Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, 39, 147, 238, Điều 266, 271,

273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không chấp nhận đơn xin ly hôn của bà Phan Thị Mai D *đối với ông* Đỗ Hồng P.

Do không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Phan Thị Mai D *nên về con chung, về tài sản chung, về nợ chung không xem xét.*

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 26 tháng 01 năm 2024, nguyên đơn bà Phan Thị Mai D kháng cáo bản án sơ thẩm, bà D yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn bà Phan Thị Mai D giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, bị đơn ông Đỗ Hồng P không đồng ý kháng cáo của bà D, ông P đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre phát biểu:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; những người tham gia tố tụng đã thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, tuyên xử theo hướng: Không chấp nhận kháng cáo của bà Phan Thị Mai D; giữ nguyên Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩmsố 04/2024/HNGĐ-ST ngày 26 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên; xét kháng cáo của nguyên đơn bà Phan Thị Mai D, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Phan Thị Mai D kháng cáo và gửi thủ tục, kháng cáo hợp lệ trong thời hạn luật định nên được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Bà Phan Thị Mai D và ông Đỗ Hồng P tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P vào ngày 13/6/2009 nên hôn nhân của bà D và ông P là hôn nhân hợp pháp. Bà D cho rằng nguyên nhân ly hôn là do bất đồng quan điểm, vợ chồng không tin tưởng nhau, cả hai bên đều nghi ngờ lẫn nhau về việc cả hai đang có quan hệ tình cảm với người khác, ông P có hành vi đánh đập và đe doạ giết bà và hai con chung, có lần đe doạ mua thuốc tự tử nên bà có báo Công an xã P can thiệp; từ tháng 3/2023 bà và ông P không còn sống chung. Ông P cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn do bà D nghi ngờ ông có bạn gái bên ngoài dẫn đến vợ chồng không vui vẻ. Tuy nhiên ông cũng phát hiện và nghi nghờ bà D có quan hệ tình cảm với người khác nên hai bên thường xuyên nhắn tin qua lại, do tính ông ít nói chuyện, thường ngày đi làm về thường xuyên biểu hiện mệt mỏi nên từ đó tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt. Ông thừa nhận khi bà D bỏ nhà đi thì ông có dọa với bà D "nếu bà D bỏ đi thì ông cùng các con sẽ tự vẫn" để bà D quay về chứ ông không có làm thật. Vợ chồng không còn sống chung, không còn quan tâm chăm sóc cho nhau từ tháng 3/2023, bà D đã bỏ nhà đi từ ngày 27/8/2023 cho đến nay; trong thời gian bà D không có ở nhà thì ông vẫn chăm sóc và lo cho hai con đầy đủ về mọi mặt để chở bà D quay về.

Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Phan Thị Mai D đối với ông Đỗ Hồng P. Do không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà D nên Tòa án cấp sơ thẩmkhông xem xét về con chung, về tài sản chung, về nợ chung. Không đồng ý Bản án sơ thẩm nên bà D kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà.

[3] Xét kháng cáo của bà Phan Thị Mai D:

[3.1] Trong quá trình giải quyết vụ án, bà D và ông P đều thừa nhận cả hai đều có nghi ngờ người còn lại đang có quan hệ bất chính nhưng không có chứng cứ chứng minh. Bà D và ông P hiện không còn sống chung từ tháng 8/2023 đến nay. Bà D thừa nhận trong thời gian ly thân thì ông P cũng không có hành vi hay tác động nào khác gây hại đến bà và luôn tìm cách hàn gắn tình cảm vợ chồng. Trong thời gian này, ông P là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng hai con chung, các cháu đều có sự phát triển tốt về thể chất tinh thần và gia đình hai bên luôn tạo điều kiện để ông bà hàn gắn tình cảm. Hai con chung cũng có nguyện vọng được sống cùng cha mẹ, không muốn cha mẹ ly hôn. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông P cho rằng vẫn còn tình cảm và mong muốn hàn gắn với bà D nên không đồng ý ly hôn với bà D.

[3.2] Mặt khác, tại biên bản xác minh của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre ngày 05/12/2023 đối với Ủy ban nhân dân xã P có nội dung: "Ủy ban nhân dân xã P *không nắm được tình hình mâu thuẫn hôn nhân của bà* Phan Thị Mai D *và ông* Đỗ Hồng P, *do ông* P, *bà* D *không có báo với chính quyền địa phương*" (Bút lục 42) nên xem như giữa bà D và ông P không có mâu thuẫn gì trầm trọng

gay gắt. Do đó, cần tạo điều kiện cho ông P, bà D hàn gắn tình cảm vợ chồng và nhất là tạo điều kiện cho các con chung là cháu Đỗ Hoàng P1 và cháu Đỗ Ngọc Trà M được sống trong môi trường có đủ cha mẹ trông nom, chăm sóc, giáo dục để các cháu phát triển lành mạnh về thể chất, trí tuệ, đạo đức.Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm nhận định mâu thuẫn gia đình giữa bà D và ông P1 chưa đến mức trầm trọng, đời sống vợ chồng có thể hàn gắn được nên không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Phan Thị Mai D là có căn cứ. Bà D kháng cáo nhưng không có chứng cứ chứng minh tại phiên tòa phúc thẩm nên kháng cáo không có cơ sở để chấp nhận.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Từ những phân tích trên, nhận thấy bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã tuyên là có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Phan Thị Mai D;Giữ nguyên bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 04/2024/HNGĐ-ST ngày 26/01/2024 của Toà án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

[6] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nênnguyên đơn bà Phan Thị Mai D phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Phan Thị Mai D;

Giữ nguyên bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 04/2024/HNGĐ-ST ngày 26/01/2024 của Toà án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Căn cứ vào Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, 39, 147, 238, Điều 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không chấp nhận đơn xin ly hôn của bà Phan Thị Mai D đối với ông Đỗ Hồng P.

Do không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Phan Thị Mai D nên về con chung, về tài sản chung, về nợ chung không xem xét.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Phan Thị Mai D phải nộp án phí là 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số số 0000794 ngày 14 tháng 11 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre. Bà D đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

3. Về án phí phúc thẩm: Bà Phan Thị Mai D phải chịu án phí phúc thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền số 0001026 ngày 26 tháng 01 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre. Bà D đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND Thành phố Bến Tre;
- Chi cục THADS thành phố Bến Tre;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV&THAHS tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Ngọt